TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 09 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 66, phường Hòa K, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Phước Đ**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 20 An Hải 21, tổ 73, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Phước Đ *(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Kim T và ông Lê Phước Đ nên*

giấy chứng nhận kết hôn số 35 do UBND phường A, quận S cấp ngày 16/3/2019 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Phước Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Thị Anh T, sinh ngày 03/6/2013 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 16/5/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Phước Đăng K, sinh ngày 02/4/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Đ xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003867 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường An H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh